

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 03/2022/KDTM-ST

Ngày 28 - 04 - 2022

*V/v tranh chấp Hợp đồng
mua bán hàng hóa*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Hồng Chi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 01/2022/TLST-KDTM ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 16 tháng 03 năm 2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần Vật tư B. Địa chỉ: Số C, Trần Hưng D, phường E, quận Ê, thành phố Cần Thơ. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Mai Bảo F; chức vụ: Tổng Giám đốc. Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số C, Trần Hưng D, phường E, quận Ê, thành phố Cần Thơ. Theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2021 (*Có mặt*).

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng I). Địa chỉ: Số J, ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị M; chức vụ: Giám đốc (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/11/2021 và các lời khai tại Tòa án, người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần Vật tư B là ông Huỳnh Văn G trình bày: Vào ngày 02/01/2016, Công ty Cổ phần Vật tư B và Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng I), (sau đây viết tắt là Công ty I) tiến hành ký kết Hợp đồng mua bán số 087/HĐBH.16 để Công ty B cung cấp cho Công ty I vật tư xây dựng gồm: Thép cuộn giao qua cân, thép cây dài 11.7m/cây, giao đếm cây, xi măng giao đếm bao, mỗi bao 50kg; hai bên thỏa thuận thanh toán từng đợt theo khối lượng

hàng đã giao nhận, thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản, trả chậm trong vòng 20 ngày kể từ ngày giao nhận hàng xong của từng đợt hàng, căn cứ theo biên bản giao hàng. Trong trường hợp nợ phát sinh trong tháng 12/2016, bên Công ty I phải thanh toán hết tất cả nợ (kể cả nợ chưa đến hạn thanh toán cho bên bán chậm nhất là ngày 31 tháng 12 năm 2016).

Theo thỏa thuận, Công ty B bán cho Công ty I vật tư xây dựng theo đúng đơn hàng yêu cầu của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H. Quá trình giao nhận vật tư xây dựng, Công ty I phải ký vào biên bản giao hàng cho Công ty B để xác nhận đã nhận được hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã bán cho Công ty I vật tư xây dựng với tổng số tiền gốc là 263.821.098 đồng.

Mặc dù, nhiều tháng liền, Công ty B đã trực tiếp làm việc với bà Nguyễn Thị M là Giám đốc Công ty I đề nghị thanh toán thì bà Nguyễn Thị M là Giám đốc Công ty I chỉ hứa thanh toán cho Công ty B tổng số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ là 263.821.098 đồng nhưng không thực hiện. Đến ngày 01/10/2017, Công ty B và Công ty I tiến hành đối chiếu công nợ; theo đó, bà Nguyễn Thị M là Giám đốc Công ty I xác nhận còn nợ Công ty B tổng số tiền mua vật tư xây dựng gồm tiền nợ gốc 263.821.098 đồng và tiền lãi đến ngày 30/9/2017 là 48.167.046 đồng.

Nay Công ty B yêu cầu Công ty I có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B tổng số tiền mua vật tư xây dựng là 311.988.144 đồng, trong đó: Nợ gốc là 263.821.098 đồng và nợ lãi là 48.167.046 đồng. Tại phiên tòa, Công ty B yêu cầu Công ty I có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật là 10%/năm từ ngày 01/10/2017 cho đến khi thanh toán xong.

Đối với ý kiến, trình bày của bị đơn Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng I) (sau đây viết tắt là Công ty I): Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập cho Công ty I tham gia phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng Công ty I không cung cấp tài liệu, chứng cứ cũng như không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án nhân dân huyện A đã tiến hành ghi nhận ý kiến của Công ty I tại địa chỉ trụ sở chính của Công ty I nhưng Công ty I không có mặt tại địa phương.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vật tư B đối với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng I), buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành

viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây Dựng I) phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật tư B số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2022 là 432.203.503 đồng; trong đó: Nợ gốc là 263.821.098 đồng và nợ lãi là 168.382.405 đồng. Về án phí, Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây Dựng I) phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty B có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty I thanh toán số tiền còn nợ theo Phụ lục hợp đồng ký kết số 001/087.16/PL.16 ngày 29/08/2016 và biên bản xác nhận công nợ ngày 01/10/2017. Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng ký kết số 001/087.16/PL.16 ngày 29/08/2016 và biên bản xác nhận công nợ ngày 01/10/2017 vào thời điểm Công ty I ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty B thì Công ty I có địa chỉ trụ sở chính tại số J, ấp K, xã L, huyện A, tỉnh Bạc Liêu. Đây là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 5 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do hợp đồng mua bán hàng hóa của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết.

[3] Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Bạc Liêu đã triệu tập bị đơn Công ty I hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa hôm nay, Công ty I vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Công ty I.

[4] Về nội dung: Công ty B yêu cầu Công ty I có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty B số tiền mua vật tư xây dựng còn nợ gốc và lãi đến ngày 30/9/2017 là 311.988.144 đồng.

Căn cứ vào Phụ lục hợp đồng số 001/087.16/PL.16 ngày 29/8/2016 và biên bản xác nhận công nợ ngày 01/10/2017 thì Công ty B và Công ty I có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với nội dung Công ty B bán cho Công ty I vật tư xây dựng và Công ty I có trách nhiệm thanh toán tiền vật tư xây dựng cho Công ty B theo thời hạn thỏa thuận trên hợp đồng là có xảy ra trên thực tế. Quá trình thực hiện hợp đồng, theo bảng chi tiết công nợ và lãi quá hạn thanh toán đơn vị mua có xác nhận của bà Nguyễn Thị M là giám đốc Công ty I đã thể hiện tính đến ngày 01/10/2017, Công ty I còn nợ Công ty B số tiền là 311.988.144 đồng, trong đó: Nợ gốc là 263.821.098 đồng và nợ lãi là 48.167.046 đồng nên có căn cứ xác định hiện nay Công ty I còn nợ Công ty B số tiền gốc là 263.821.098 đồng và nợ lãi là 48.167.046 đồng. Việc Công ty B yêu cầu Công ty I thanh toán cho Công ty B số tiền nêu trên là có căn cứ chấp nhận nên buộc Công ty I có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B số tiền gốc là 263.821.098 đồng và nợ lãi là 48.167.046 đồng.

[5] Đối với yêu cầu lãi suất: Tại phiên tòa, Công ty Cổ phần Vật tư B đã yêu cầu Công ty I thanh toán khoản tiền lãi₃ của số tiền 263.821.098 đồng theo lãi suất do pháp luật quy định 10%/năm kể từ ngày 01/10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm

(ngày 28/4/2022). Hội đồng xét xử xét thấy, việc Công ty I chậm thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng cho Công ty B đã gây thiệt hại cho Công ty B nên Công ty B yêu cầu Công ty I phải thanh toán khoản tiền lãi của số tiền gốc 263.821.098 đồng với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 01/10/2017 đến ngày 28/4/2022 là có căn cứ chấp nhận. Tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 28/4/2022 là 04 năm 06 tháng 27 ngày nên số tiền lãi Công ty I có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B là $263.821.098 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 04 \text{ năm } 06 \text{ tháng } 27 \text{ ngày} = 120.215.359 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền Công ty I có trách nhiệm thanh toán cho Công ty B là: $263.821.098 \text{ đồng} + 168.382.405 \text{ đồng} = 432.203.503 \text{ đồng}$.

[6] Về Án phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty B đối với Công ty I được chấp nhận toàn bộ nên Công ty I phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty B là $20.000.000 \text{ đồng} + (32.203.503 \text{ đồng} \times 4\%) = 21.288.140 \text{ đồng}$ theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công ty B không phải nộp án phí, đã dự nộp 10.087.264 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000757 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

[7] Như đã phân tích, các quan điểm đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 428, 438, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và điểm c tiểu mục 1.4 Phần II mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Vật tư B đối với Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng I) về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng I) có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần Vật tư B số tiền 432.203.503 đồng (Bốn trăm ba mươi hai triệu hai trăm lẻ ba nghìn năm trăm lẻ ba đồng), trong đó: Nợ gốc là 263.821.098 đồng và nợ lãi là 168.382.405 đồng.

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực⁴ pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu

thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về phí dân sự sơ thẩm về kinh doanh thương mại có giá ngạch: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây dựng H (nay đã chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên Đầu tư Xây Dựng I) phải nộp 21.288.140 đồng (Hai mươi một triệu hai trăm tám mươi tám nghìn một trăm bốn mươi đồng) và nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

Công ty Cổ phần Vật tư B đã nộp tạm ứng án phí 10.087.264 đồng (Mười triệu không trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000757 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu, được hoàn lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Bạc Liêu.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA; HCTP.

Dương Hồng Chi